TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 3 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tấn Lợi;

2. Bà Lý Thị Mỹ Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp B, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Duy Q, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 2, ấp B, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2022, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Lê Duy Q sống chung với nhau từ năm 2000, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng càng về sau cuộc sống chung không hạnh phúc nửa do ông Q không lo làm ăn, hay đánh bạc về gây gỗ, xô xát với bà. Đến nay, bà không còn tình cảm gì với ông Q nửa. Nay, bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Duy Q.

Về nuôi con chung: Bà và ông Q có 02 con chung tên Lê Nguyễn Bảo T, sinh năm 2002 và Lê Quang P, sinh năm 2003, hiện 02 con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - Ông Lê Duy Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bà Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lê Duy Q là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Q là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Lê Duy Q.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim N là nguyên đơn, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Lê Duy Q là bị đơn, vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Q.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Duy Q chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H,

huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02 tháng 12 năm 2005, Giấy đăng ký kết hôn số 123, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống, giữa bà N và ông Qphát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung. Bà N trình bày mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể sống chung với nhau nên yêu cầu ly hôn. Ông Qđã được triệu tập hợp lệ nhưng đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 08 tháng 12 năm 2022 (bút lục số 25) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông Q là do ông Q thường xuyên uống rượu, đánh bạc về gây gỗ, xô xát với bà N, hiện tại mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông Q là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà N được ly hôn với ông Q.

[4] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Duy Q có 02 con chung tên Lê Nguyễn Bảo T, sinh năm 2002 và Lê Quang P, sinh năm 2003. Các con chung đã trưởng thành, bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông Lê Duy Q.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận, các con chung Lê Nguyễn Bảo T, sinh năm 2002 và Lê Quang P, sinh năm 2003 đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận, bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm

nghìn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu số 0007700 ngày 16/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận, bà N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Duy Q có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Phạm Thị Xuân Lan